TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** **TỈNH AN GIANG** _____	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** _____

Bản án số: 25/2019/DS-ST

Ngày 30 tháng 5 năm 2019.

V/v tranh chấp "Hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN N DÂN HUYỆN CHỢ MỚI,TỈNH AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Châu Vũ Sơn.**

Các Hội thẩm N dân:

1. Ông **Võ Lâm Sơn**

2. Bà **Phan Thị Nga**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Ngô Thị Lắm**, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

Đại diện Viện kiểm sát N dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà **Đoàn Thụy Thùy Trang** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 441/2018/TLST-DS ngày 13.12.2018 về tranh chấp "Hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2019/QĐST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Tuyết H, sinh năm 1971. Địa chỉ: Số 343 ấp 2, xã B, huyện C, tỉnh An Giang, (có mặt).

Bị đơn: Bà Trương Thị Kim P, sinh năm 1977 (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Hồng N, sinh năm 1977.

Cùng ngụ ấp 1, xã B, huyện C, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai, biên bản không hòa giải, tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị Tuyết H trình bày: Do chỗ quen biết với bà P, ông N có làm chủ các dây hụi, bà P tham gia:

Dây 1: Bà làm chủ hụi dây hụi 2.000.000 đồng/ tháng, hụi gồm 26 hụi viên, hụi khui vào 20/10/2014 âm lịch, huê hồng 1.000.000 đồng. Chị P tham gia một chân hụi, hụi khui lần thứ 2 (25/11/2014 âm lịch) chị P kêu hốt 750.000 đồng, được số tiền 32.000.000 đồng trừ tiền huê hồng chị P còn lại 31.000.000 đồng, tôi là người trực tiếp giao tiền cho chị P, chị P chầu được 19 lần hụi chết, còn nợ lại 5 lần hụi chết số tiền 10.000.000 đồng. Việc tham gia hụi này anh N chồng chị P biết. Hụi này hiện nay đã mãn.

Dây 2: Bà làm chủ hụi dây hụi 2.000.000 đồng/ tháng, hụi gồm 26 hụi viên, hụi khui vào 15/8/2014 âm lịch, tham gia 01 chân hụi, huê hồng 1.000.000 đồng. Đến ngày 15/11/2014 âm lịch, chị P kêu hốt không rõ số tiền nhưng hốt được 29.890.000, trừ huê hồng 1.000.000 đồng, còn lại 28.890.000 đồng. Chị P chầu hụi chết đến hết ngày 15/6/2015 thì ngưng, còn nợ lại 3 lần hụi chết số tiền 6.000.000 đồng. Việc tham gia hụi này anh N chồng chị P biết. Hụi này hiện nay đã mãn.

Dây 3: Bà làm chủ hụi dây hụi 3.000.000 đồng/ tháng, hụi gồm 25 hụi viên, hụi khui vào 10/02/2015 âm lịch, huê hồng 1.500.000 đồng, tham gia một chân hụi. Đến ngày 10.3.2015 âm lịch thì hốt hụi số tiền 47.500.000 đồng trừ tiền huê hồng chị P còn lại 46.000.000 đồng, tôi là người trực tiếp giao tiền cho chị P, còn lại 23 lần hụi chết. Chị P chầu được 16 lần hụi chết, còn nợ lại 7 lần hụi chết số tiền 21.000.000 đồng. Việc tham gia hụi này anh N chồng chị P biết. Hụi này hiện nay đã mãn.

Tổng cộng các dây hụi chị P nợ tôi 37.000.000 đồng. Chị P trả tiền nhiều lần được số tiền 10.000.000 đồng, còn lại 27.000.000 đồng. Nay bà H yêu cầu ông N bà P có nghĩa vụ trả cho bà số tiền 27.000.000 đồng.

Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ ông Trần Hồng N, bà Trương Thị Kim P đến tham gia phiên họp và hòa giải theo đúng trình tự của pháp luật nhưng ông N, bà P không đến nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn khởi kiện bị đơn ông Trần Hồng N, bà Trương Thị Kim P cư trú ấp 1, xã B, huyện C, tỉnh An Giang, Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Trần Hồng N, bà Trương Thị Kim P được tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ Điều 228, 238 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông N, bà P.

[2] Qua lời khai của bà Lê Thị Tuyết H các tài liệu chứng cứ cung cấp và qua quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định giữa bà với ông N, bà P có ký kết hợp đồng góp hụi, giữa hai bên phù hợp với quy định của pháp luật. Nên được pháp luật công nhận và bảo vệ, do đến kỳ hạn thanh toán tiền hụi chết, nhưng ông N, bà P không thực hiện nghĩa vụ giao số tiền trên cho bà Tuyết H là vi phạm nghĩa vụ thanh toán được quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015 để Hội đồng xét xử chấp nhận. Ông N, bà P là vợ chồng, trong thời kỳ hôn nhân căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì ông bà phải có nghĩa vụ liên đới trong việc nợ chung của vợ chồng

Từ những cơ sở phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Tuyết H buộc ông Trần Hồng N, bà Trương Thị Kim P có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H số tiền hụi 27.000.000 đồng (hai mươi bảy bốn triệu đồng).

[3] Về lãi suất: Tại phiên Tòa bà Lê Thị Tuyết H rút lại yêu cầu tính lãi suất. Đây là sự tự nguyện của đương sự, nghĩ nên đình chỉ đối với yêu cầu này phù hợp Điều 217, Điều 219 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; ông Trần Hồng N, bà Trương Thị Kim P chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Các Điều 282, Điều 471 Bộ luật dân sự.

- Các Điều 26, 35, 39, khoản 2 Điều 71, 144, 146, 147, 217, 219, 228, 235 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Tuyết H.

- Buộc ông Trần Hồng N, bà Trương Thị Kim P có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị Tuyết H số tiền hụi 27.000.000 đồng (hai mươi bảy triệu đồng).

- Đình chỉ yêu cầu tính lãi của bà Lê Thị Tuyết H đối với ông Trần Hồng N, bà Trương Thị Kim P.

Về án phí: Ông Trần Hồng N, bà Trương Thị Kim P phải chịu 675.000 đồng (sáu trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lê Thị Tuyết H được nhận lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 675.000 đồng theo biên lai thu số 0000422 ngày 13.12.2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu lãi theo mức lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Đương sự có mặt tham gia phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Vũ Sơn

Nơi nhận**:**
-TAND tỉnh An Giang;
-VKSND huyện C;
-Chi cục THADS huyện C;
-Các đương sự;
-Lưu.